

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/2007/NQ-HĐND

Điện Biên Phủ, ngày 10 tháng 12 năm 2007

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2008**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số: 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về Ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số: 1569/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Quyết định số: 3658/QĐ-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2008;

Sau khi xem xét Báo cáo số: 112/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 2007, dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2008; Báo cáo thẩm tra số: 154/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ :**

**Điều 1.** Phê chuẩn dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2008 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>I. Tổng thu ngân sách địa phương:</b>	<b>1.632.402</b>
<b>1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:</b>	<b>167.500</b>
Trong đó: Ngân sách địa phương được hưởng	167.000

<b>1.1. Các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>159.500</b>
- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước:	159.000
- Thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT hàng nhập khẩu	500
<b>1.2. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>8.000</b>
<b>2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:</b>	<b>1.462.050</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách địa phương	858.174
- Bổ sung để TH tiền lương tối thiểu 450.000đ/tháng	81.296
- Bổ sung có mục tiêu	522.580
<b>3. Thu chuyển nguồn năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương.</b>	<b>3.352</b>
<b>II- Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>1.632.402</b>
<b>1. Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>1.152.742</b>
1.1 Chi đầu tư phát triển	134.356
1.2 Chi thường xuyên	977.401
1.3 Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng	9.908
1.4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000
1.5 Dự phòng ngân sách	30.077
<b>2. Chi chương trình MTQG, chương trình 135 và dự án trồng mới 5 triệu ha rừng.</b>	<b>178.726</b>
<b>3. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ năm 2008.</b>	<b>292.934</b>
<b>4. Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>	<b>8.000</b>

(Chi tiết các khoản thu, chi như phụ biểu số 01, 02 kèm theo Nghị quyết này).

### III. Phân bổ NSDP: (Như biểu số 03, 04 kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo, điều hành dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2008 theo Nghị quyết này, đảm bảo đúng chế độ, chính sách và các qui định hiện hành của Nhà nước, phấn đấu tăng thu, thực hành tiết kiệm chi, chống lãng phí, sử dụng có hiệu quả Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành ngân sách có vấn đề phát sinh cần giải quyết, giao Thường trực HĐND tỉnh cùng UBND tỉnh xem xét, xử lý và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**Điều 4.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2007./.*

**CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

Biểu số: 01

**BIỂU TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2008**

(Kèm theo Nghị quyết số 103/2007/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2007  
của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán năm 2008
<b><u>Tổng thu NSNN trên địa bàn</u></b>	<b><u>167.500</u></b>
<b><u>A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN</u></b>	<b><u>159.500</u></b>
<b>I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>159.000</b>
1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	9.210
2. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	34.850
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	150
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	55.000
5. Lệ phí trước bạ	11.300
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	165
7. Thuế nhà đất	3.935
8. Thuế thu nhập cá nhân	300
9. Thu xổ số kiến thiết	
10. Thu phí xăng dầu	11.000
11. Thu phí và lệ phí	7.185
12. Thuế chuyên quyền sử dụng đất	5.115
13. Thu sự nghiệp	
14. Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	15.000
- Thu cấp quyền sử dụng đất	5.900
- Thu từ đất giá đất	9.100
15. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	2.710
16. Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước	
17. Thu tiền thuê Nhà thuộc sở hữu Nhà nước	140
18. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản của NSX	

19. Các khoản huy động theo qui định	
20. Thu khác ngân sách	2.000
Trong đó: phần tính cân đối	
21. Thu tại xã	940
<b>II. Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu</b>	<b>500</b>
Trong đó : + Thuế XK, NK, TTĐB	100
+ Thuế VAT hàng nhập khẩu	400
<b>III. Thu viện trợ</b>	
<b>IV. Thu vay để đầu tư XD cơ sở hạ tầng theo khoản 3 điều 8</b>	
- Vay quỹ hỗ trợ	
<b>V. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính</b>	
<b><u>B. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN</u></b>	<b><u>8.000</u></b>
- Thu xổ số kiến thiết	8.000
- Thu phạt an toàn giao thông	
- Các khoản phí và huy động đóng góp khác	
- Khác	
<b><u>Tổng thu Ngân sách địa phương</u></b>	<b><u>1.632.402</u></b>
<b><u>A. Các khoản thu cân đối ngân sách</u></b>	<b><u>1.624.402</u></b>
- Các khoản thu 100%	55.280
- Thu phân chia theo tỷ lệ %	103.720
- Thu bổ sung từ NSTW	1.462.050
- Thu kết dư	
- Thu tiền vay	
- Thu làm lương	
- Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
- Thu viện trợ	
- Chuyển nguồn năm trước sang	3.352
<b><u>B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</u></b>	<b><u>8.000</u></b>

Biểu số: 02

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2008***(Kèm theo Nghị quyết số 103/2007/NG-HĐND ngày 10/12/2007 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Nội dung các khoản chi</b>	<b>Dự toán năm 2008</b>
<b>TỔNG CHI NSDP ( A + B + C + D )</b>	<b>1.632.402</b>
<b>A. Chi cân đối NSDP ( I+II+III+IV+V+VI )</b>	<b>1.152.742</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>134.356</b>
<b><u>Trong đó</u></b>	
- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.689
- Chi khoa học công nghệ	3.730
1. Chi xây dựng cơ bản tập trung	118.446
a. Vốn trong nước :	118.446
2. Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu sử dụng đất	15.000
- Chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	5.900
- Chi đầu tư từ nguồn đấu giá đất	9.100
3. Chi đầu tư và hỗ trợ các DNNN	910
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>977.401</b>
1. Chi sự nghiệp kinh tế	83.913
- Sự nghiệp Lâm nghiệp	10.183
Tr.đó: Hỗ trợ trồng rừng sản xuất	1.350
- Sự nghiệp Nông nghiệp	19.792
Tr.đó: + Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp	10.795
+ Hỗ trợ cải tạo sau khai hoang	629
- Sự nghiệp Thủy lợi	5.176
- Sự nghiệp Thủy sản	537
Tr.đó: + Hỗ trợ thủy sản	105
- Sự nghiệp Giao thông	8.800
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	11.220
- Sự nghiệp kinh tế khác	28.205
2. Chi Giáo dục - Đào tạo dạy nghề	486.581
- Chi SN giáo dục	456.842

- Chi SN đào tạo và dạy nghề	29.739
3. Chi sự nghiệp y tế	102.571
Trong đó : - Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	6.500
- Khám chữa bệnh cho người nghèo	27.633
4. Chi SN Khoa học, công nghệ	4.800
5. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	12.136
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	8.089
7. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	3.727
8. Chi đảm bảo xã hội	13.967
9. Chi quản lý hành chính	197.634
- Chi quản lý nhà nước	135.355
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng và các tổ chức Chính trị - XH	61.037
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	1.242
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	17.169
11. Chi sự nghiệp môi trường	10.460
12. Chi trợ cước trợ giá	11.042
13. Chi khác ngân sách.	25.312
<b>III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>
<b>IV. Dự phòng</b>	<b>30.077</b>
<b>V. Chi trả nợ gốc và lãi vay đầu tư cơ sở hạ tầng</b>	<b>9.908</b>
1. Trả Chi nhánh Ngân hàng phát triển	9.908
<b><u>B. Chi TH CTMT quốc gia, CT 135 và DA trồng mới 5 triệu ha rừng</u></b>	<b><u>178.726</u></b>
1. Chương trình giảm nghèo	2.156
2. CT về việc làm	140
3. CT Dân số - KHH gia đình	3.849
4. CT phòng chống một số bệnh XH - HIV/AIDS	7.743
5. CT nước sạch vệ sinh MTNT	23.100
6. CT Văn hoá	2.110
7. Chương trình Giáo dục - Đào tạo	53.590
8. Chương trình phòng chống tội phạm	770
9. CT phòng chống ma túy	3.300
10. CT Vệ sinh an toàn thực phẩm	572

11. Chương trình 135	61.096
12. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	20.300
<b><u>C. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác</u></b>	<b><u>292.934</u></b>
<b>1. Bổ sung mục tiêu (vốn đầu tư)</b>	<b>281.860</b>
- Hỗ trợ triển khai Nghị quyết 37	53.840
- Đầu tư khu kinh tế cửa khẩu	15.000
- Đầu tư hạ tầng du lịch	10.000
- Đầu tư thực hiện QĐ 120 của TTCP	11.000
- Quản lý biên giới, đường tuần tra biên giới (đất liền)	15.000
- Đầu tư y tế tỉnh, huyện	15.000
- Hỗ trợ vốn đối ứng (ODA)	8.000
- Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 134/CP	76.700
- Đầu tư huyện mới thành lập	15.000
- Dự án hỗ trợ PT các dân tộc thiểu số ít người (Dân tộc Si La)	5.000
- Dự án tin học các cơ quan Đảng	1.320
- Hỗ trợ ĐT phát thanh Miền núi phía Bắc	3.000
- Kinh phí xây dựng trung tâm cai nghiện	6.000
- Hỗ trợ đầu tư khác theo Nghị quyết Quốc hội	20.000
- Chương trình bố trí lại dân cư những nơi cần thiết	5.000
- Bảo tồn văn hóa và in báo nhân dân	18.000
- Chương trình bảo vệ và phát triển rừng	4.000
<b>2. Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>11.074</b>
- KP hỗ trợ TTB phát sóng truyền thanh	3.200
- HT hoạt động sáng tạo nghệ thuật, tác phẩm, báo chí chất lượng cao	255
- HT KP đào tạo nguồn nhân lực cho các DN vừa và nhỏ	390
- Chương trình Quốc gia bảo hộ ATVSLĐ	50
- Dự án hỗ trợ PT các dân tộc thiểu số ít người	370
- Ch. trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang...	131
- Hỗ trợ KP ổn định ĐCĐC theo NĐ 33/QĐ-TTg	2.000
- KP thực hiện chương trình bố trí dân cư	3.500
- KP thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp	924
- KP quản lý chương trình 134	254
<b><u>D. Các khoản chi được quản lý qua NSNN</u></b>	<b><u>8.000</u></b>
- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.000









**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSDP NĂM 2008**  
**KHỐI HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

( Kèm theo Nghị quyết số: 103/2007/NQ-HĐND ngày 10/12/ 2007 của HĐND tỉnh Điện Biên khóa XII )

Biểu số: 04

STT	Nội dung	Tổng cộng	TP ĐBPứ	Điện Biên	Tuần Giáo	Tòa Chùa	Mường Chà	Mường Nhé	TX.Mlay	ĐBĐông	Mường Ang
<b>I</b>	<b>Tổng thu NS</b>	<b>815.288</b>	<b>76.176</b>	<b>169.712</b>	<b>109.946</b>	<b>72.167</b>	<b>108.370</b>	<b>86.189</b>	<b>23.829</b>	<b>108.522</b>	<b>60.377</b>
1	Thu NSNN trên địa bàn	97.145	60.200	14.535	5.750	3.000	2.580	3.530	3.780	1.520	2.250
	- Ngân sách cấp huyện hưởng	91.245	55.700	14.035	5.550	3.000	2.380	3.130	3.780	1.520	2.150
	- Ngân sách cấp tỉnh hưởng	5.900	4.500	500	200		200	400			100
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	723.479	20.476	155.233	104.276	69.167	105.990	83.059	20.049	107.002	58.227
	- Bổ sung cân đối ngân sách	490.336	17.279	110.491	68.148	48.038	64.960	57.677	15.685	69.332	38.726
	- Bổ sung để THTL tới thiểu 450.000đ/tháng	72.818	2.265	19.746	10.156	6.358	8.852	7.783	2.064	9.594	6.000
	- Bổ sung có mục tiêu	160.325	932	25.846	25.972	14.771	32.178	17.599	2.300	28.076	13.501
3	Thu chuyển nguồn năm trước sang THCCTL	564		444	120						
<b>II</b>	<b>Tổng chi NS</b>	<b>815.288</b>	<b>76.176</b>	<b>169.712</b>	<b>109.946</b>	<b>72.817</b>	<b>108.370</b>	<b>86.189</b>	<b>23.829</b>	<b>108.522</b>	<b>60.377</b>
1	Chi cân đối ngân sách	654.963	75.244	144.716	83.974	57.396	76.192	68.590	21.529	80.446	46.876
	- Chi đầu tư phát triển	16.860	6.660	2.560	2.180	1.290	930	780	60	1.800	600
	- Chi thường xuyên	628.359	67.391	139.921	80.598	55.248	74.187	66.902	21.117	77.359	45.636
	Trong đó:										
	+ Sự nghiệp Giáo dục	401.371	34.232	95.924	55.541	30.318	49.538	44.670	9.756	52.620	28.772
	+ Sự nghiệp Đào tạo	3.778	350	1.188	401	314	331	384	298	262	250
	- Dự phòng	9.744	1.193	2.235	1.196	858	1.075	908	352	1.287	640
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	75.991	125	12.008	12.814	8.035	12.997	10.515	67	12.855	6.575
3	Chi TH một số MT, nhiệm vụ khác	76.854	807	12.988	12.558	5.286	17.631	5.424	2.233	14.471	5.456
4	Các khoản chi được QL qua NSNN	7.480			600	1.450	1550	1.660		750	1.470